

Số: 41/2020/QĐST - HNGĐ

N, ngày 06 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 73/2020/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 3 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa:

Nguyên đơn: Chị Vi Thị L - Sinh năm: 1985.

Trú tại: Thôn T, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Bùi Văn L1 - Sinh năm 1985.

Trú tại: Thôn Đ (trước là thôn B), xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Căn cứ vào Điều 144, 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55; 58; 68; 69; 71; 72; 81; 82; 83; 84; 110; 116; 118 và Điều 119 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6; 19; 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện và hoà giải thành ngày 28/4/2020 là tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Vi Thị L và anh Bùi Văn L1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị L và anh L1 tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau

trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện vào ngày 21/7/2004 tại UBND xã T1, huyện N. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 9 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp. Anh chị đã được hai bên gia đình nội ngoại và Tòa án hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vẫn không cải thiện. Từ cuối năm 2013 đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau không ai quan tâm, chăm sóc gia đình chung. Hai vợ chồng đều xác định

tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Vì vậy, chị Vi Thị L và anh Bùi Văn L1 thống nhất thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Chị Vi Thị L và anh Bùi Văn L1 đều có ý kiến thống nhất: Trong quá trình chung sống vợ chồng không ai có con riêng và có với nhau 01 con chung. Cháu tên là: Bùi Thị Ngọc L2; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 20/02/2005; Cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực, không ốm đau bệnh tật gì nay đang sống cùng anh L1 tại: thôn Đồng Chành, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Chị Vi Thị L, anh Bùi Văn L1 và cháu Bùi Thị Ngọc L2 đều có ý kiến chung, thống nhất là: Giao cháu Bùi Thị Ngọc L2 cho anh L1 trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị L có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng là: 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5/2020, cho đến khi cháu Bùi Thị Ngọc L2 trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được phép ngăn cản chị thực hiện quyền này và chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con theo quy định.

- *Về tài sản và các nghĩa vụ chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này.

- *Về án phí*: Chị L và anh L1 đều thống nhất: Chị L phải chịu 150.000 đồng tiền án phí DS - HNGĐ và 150.000 đồng tiền án phí DSST không giá ngạch vì là người phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Tổng cộng chị L phải nộp 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu tiền số AA/2017/0003490, ngày 20 tháng 3 năm 2020. Như vậy, chị L đã nộp đủ; Anh L1 không phải chịu DS-HNGĐ sơ thẩm.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THA DS huyện N;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- UBND xã T1, huyện N;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Công Tuấn